

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 07/10 - 11/10/2024

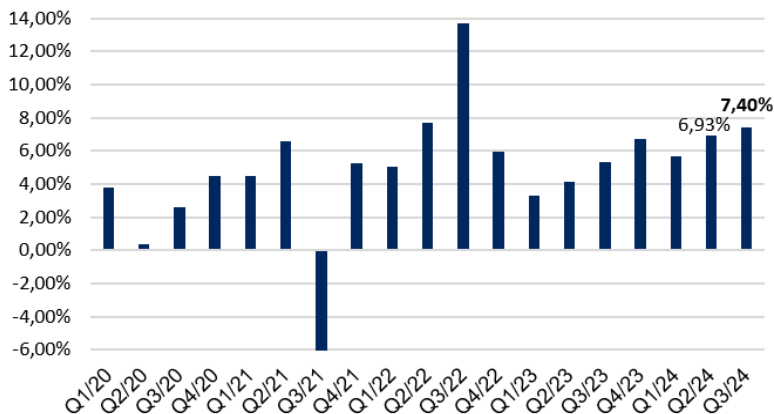


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

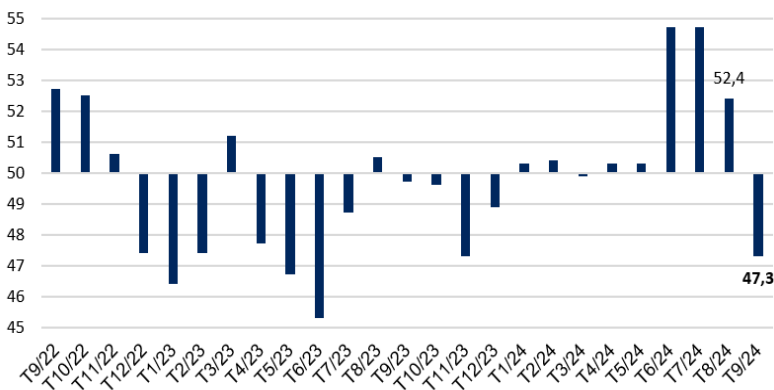


Việt Nam: Nhiều số liệu vĩ mô duy trì tích cực trong tháng 9 và quý 3

Tăng trưởng GDP của VN



PMI lĩnh vực sản xuất của VN

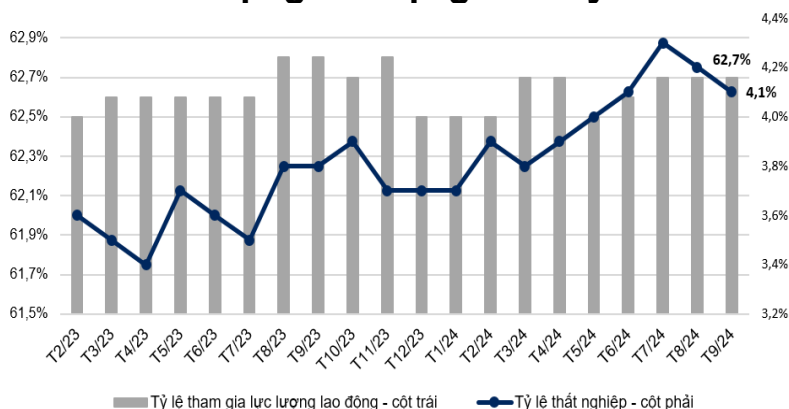


www.vndirect.com.vn

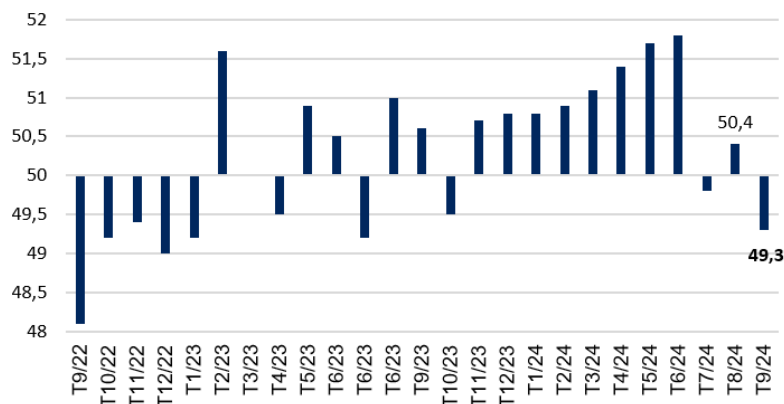
- **Bất chấp ảnh hưởng của bão Yagi, GDP Q3/24 đạt mức tăng 7,4% svck, lũy kế 9T2024 GDP tăng 6,82% svck.**
- **Do ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã có sự thu hẹp đáng kể trong T9/24, khi PMI lĩnh vực sản xuất giảm xuống mức 47,3 điểm.**
- Theo số liệu của TCTK, tổng sản phẩm GDP Q3/24 tăng 7,4% svck. Trong Q3/24, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, đóng góp 4,08% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,8%; khu vực dịch vụ tăng 7,51%, đóng góp 47,04%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,82% svck. Bất chấp ảnh hưởng của bão Yagi GDP Q3/24 vẫn tăng tích cực nhờ tốc độ tăng mạnh trong 2 tháng đầu quý cùng những giải pháp khắc phục hậu bão lũ của Chính phủ.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T9/24 tăng 0,29% mom và tăng 2,63% yoy, hạ nhiệt so với mức tăng 3,45% yoy của T8/24. Trong khi CPI cơ bản (không gồm giá thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng có giá do nhà nước quản lý) tăng 0,27% mom và tăng 2,54% yoy, nhích tăng nhẹ so với mức tăng 2,53% yoy của T8/24. Nhóm xăng dầu tiếp tục giảm là nguyên nhân chính giúp CPI T9/24 hạ nhiệt. Cụ thể trong T9/24 nhóm giao thông đã giảm 2,77% mom.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất VN của S&P Global đạt mức 47,3 điểm, giảm từ mức 52,4 điểm trong T8/24. Mức điểm giảm xuống dưới mốc 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh nói chung của ngành sản xuất của VN đã có sự thu hẹp đáng kể trong T9/24 sau khi duy trì mở rộng 5 tháng liên tiếp trước đó. Nguyên nhân của sự thu hẹp là do ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi, khi mưa lớn và lũ lụt dẫn đến đóng cửa hoạt động kinh doanh tạm thời và sự chậm trễ ở các dây chuyền sản xuất và chuỗi cung ứng trong tháng 9. Kết quả là, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và tồn kho hàng hóa đầu vào đều giảm. Tuy nhiên, sự gián đoạn được cho chỉ là tạm thời.

Thế Giới: Mỹ số liệu việc làm cải thiện, Lĩnh vực sản xuất của TQ thu hẹp trong tháng 9

Số liệu thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ



PMI sản xuất của Trung Quốc



www.vndirect.com.vn

- Trong T9/24 nền kinh tế Mỹ đã tạo ra 254 nghìn việc làm mới, cao hơn nhiều dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp cũng giảm xuống mức 4,1% từ mức 4,2%.
- Theo S&P Global, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc bất ngờ có sự thu hẹp trong T9/24 khi PMI sản xuất giảm xuống mức 49,3 điểm từ mức 50,4 điểm.
- Theo báo cáo của bộ Lao Động Mỹ, trong T9/24 nước này có 254 nghìn việc làm mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp, số liệu này cao hơn nhiều so với mức dự báo của các chuyên gia là sẽ có 147 nghìn việc làm mới. Tỷ lệ thất nghiệp trong T9/24 của Mỹ cũng giảm xuống mức 4,1% từ mức 4,2% và thấp hơn mức dự báo của các chuyên gia. Trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động duy trì ở mức 62,7%, tiền lương trung bình của người lao động Mỹ trong T9/24 tăng 0,4% mom và 4% yoy, cao hơn dự báo tăng 0,3% mom và 3,8% yoy của các chuyên gia. Các số liệu việc làm tốt vượt dự báo trong T9/24 của Mỹ cho thấy thị trường lao động của Mỹ đang rất ổn định và củng cố cho kịch bản nền kinh tế của nước này sẽ đạt được một cuộc hạ cánh mềm.
- Theo số liệu của S&P Global, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) sản xuất T9/24 của Trung Quốc bất ngờ giảm từ mức 50,4 điểm xuống mức 49,3 điểm và thấp hơn mức dự báo sẽ đạt 50,5 điểm của các chuyên gia. Đây là ngưỡng thấp nhất kể từ T7/23. Mức điểm dưới 50 cho thấy lĩnh vực sản xuất của TQ đã có sự thu hẹp trong tháng 9 sau khi đã có sự cải thiện trong tháng 8. Cụ thể theo số liệu khảo sát của S&P Global, các đơn đặt hàng mới, bao gồm cả xuất khẩu đã giảm trở lại. Mặc dù các nhà sản xuất vẫn giữ được sản xuất tăng trưởng bằng cách xử lý tồn đọng. Các công ty cũng giảm hoạt động tuyển dụng và mua sắm, đồng thời mức độ lạc quan của các nhà sản xuất cũng giảm đáng kể trong kỳ khảo sát này.

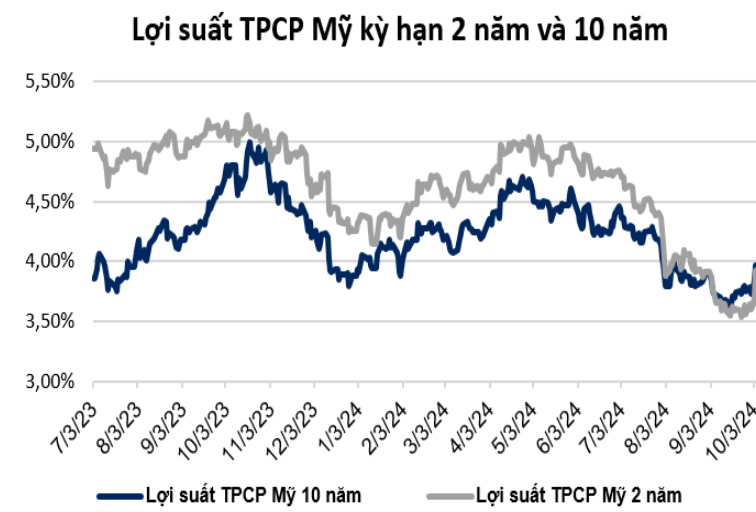
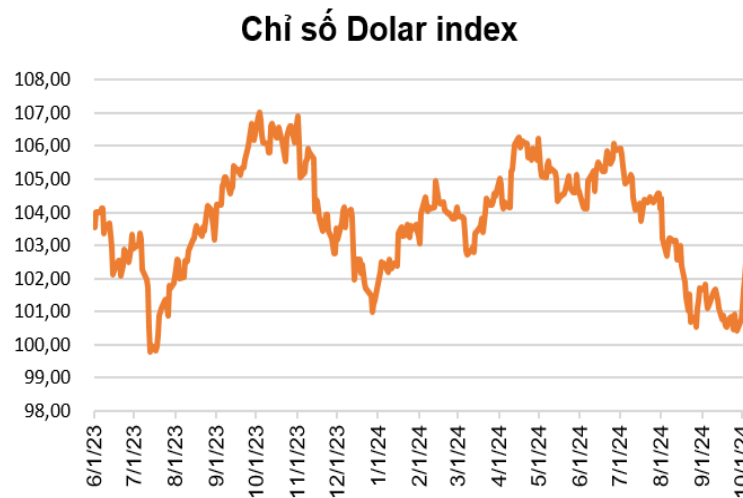
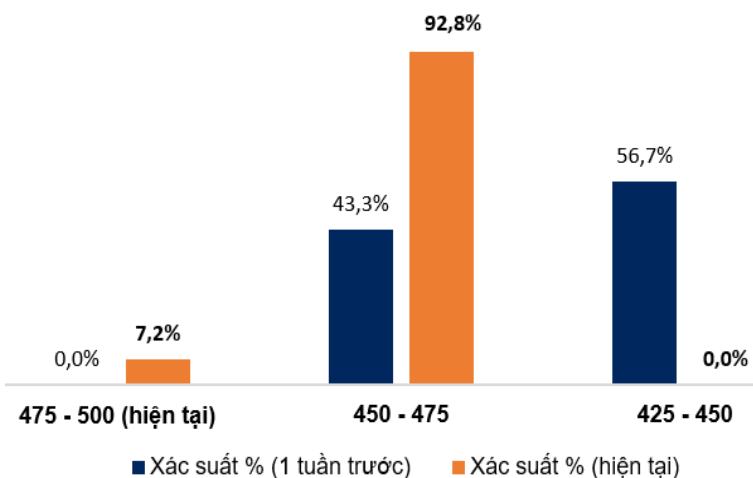
Nguồn: Bloomberg, CNN, VNDIRECT RESEARCH

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T11/2024

92,8% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành và 7,2% dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 11.2024.

DXY đóng cửa ở mức 102,49 điểm, tăng 2,06% so với tuần trước (wow) và tăng 1,14% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,924% tăng 36,7 bps wow và giảm 32,6 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 3,969% tăng 21,8 bps wow và tăng 9 bps ytd



Các số liệu việc làm trong tháng 9 của Mỹ tốt hơn dự báo có thể khiến Fed không cần phải tiếp tục mạnh tay cắt giảm lãi suất trong các cuộc họp tới, số liệu việc làm trong tháng 9 đã hỗ trợ cho đà phục hồi của cả chỉ số Dollar Index và lợi suất TPCP Mỹ trong tuần qua (cuộc họp tháng 11 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 07/11/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 09/10/2024	Mỹ	Biên bản cuộc họp chính sách tháng 9 của Fed
Thứ Năm 10/10/2024	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9.2024
Thứ Sáu 11/10/2024	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 9.2024
Chủ Nhật 13/10/2024	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 9.2024

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
<p>Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
<p>Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

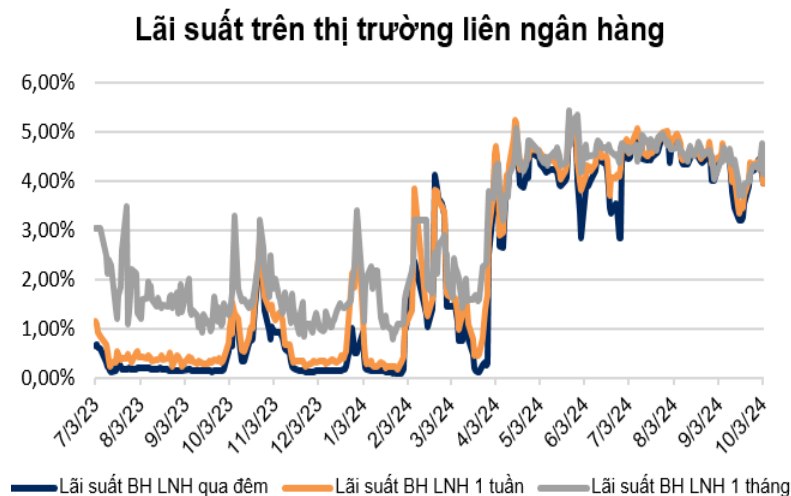
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

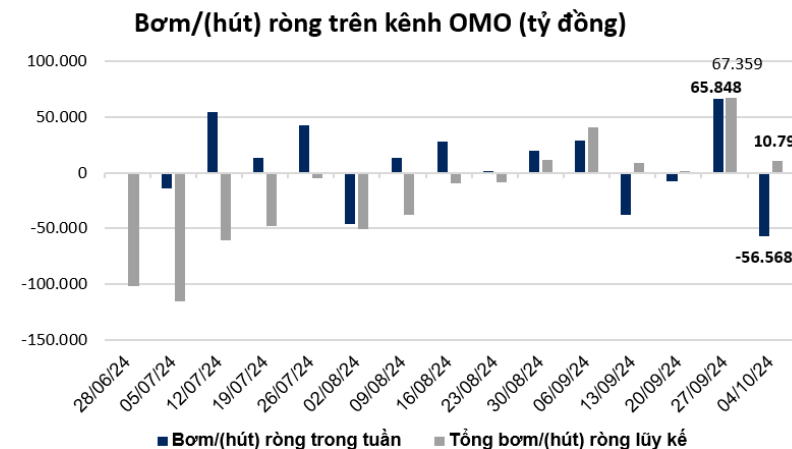


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD-VND tăng trở lại

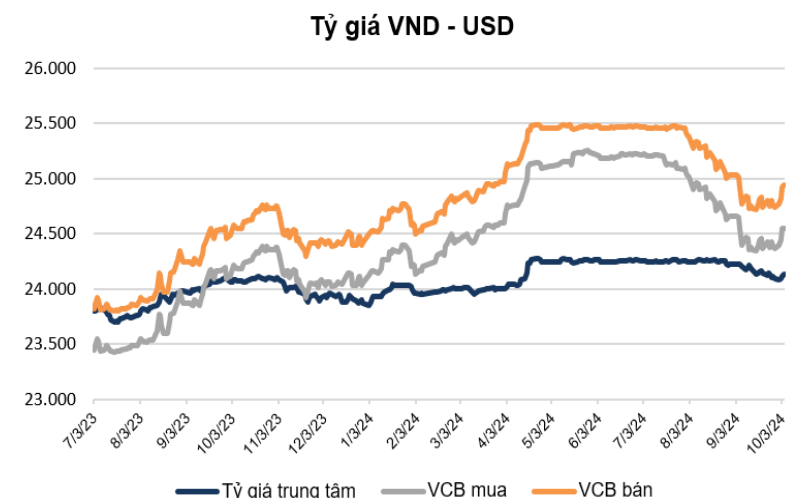
Lãi suất LNH giảm trở lại. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,96% (- 26 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 3,97% (- 35 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,16% (- 14 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 03/10/2024)



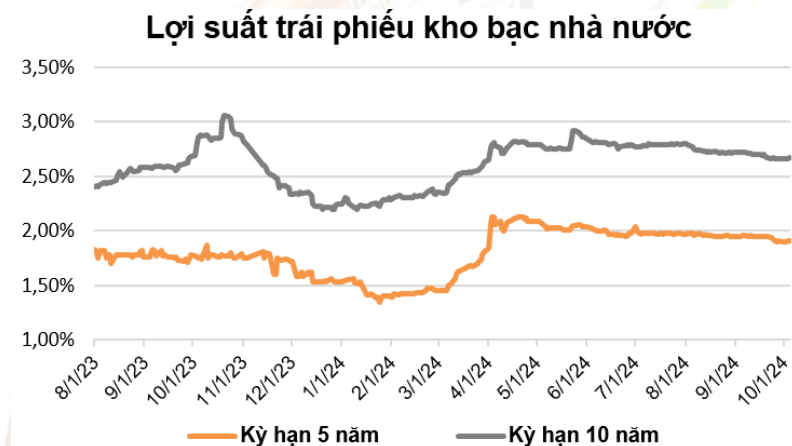
NHNN hút ròng trên kênh OMO khi lượng tiền bơm ròng trước đó qua kênh cầm cố đảo hạn. Tổng giá NHNN hút ròng trong tuần qua là 56.568 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế còn 10.791 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tiếp tục phục hồi. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 24.550 đ và 24.940 đ tăng 0,17% wow và tăng 2,13% ytd (theo giá bán). Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 24.133 đ, tăng 0,06% wow và tăng 1,12% ytd.

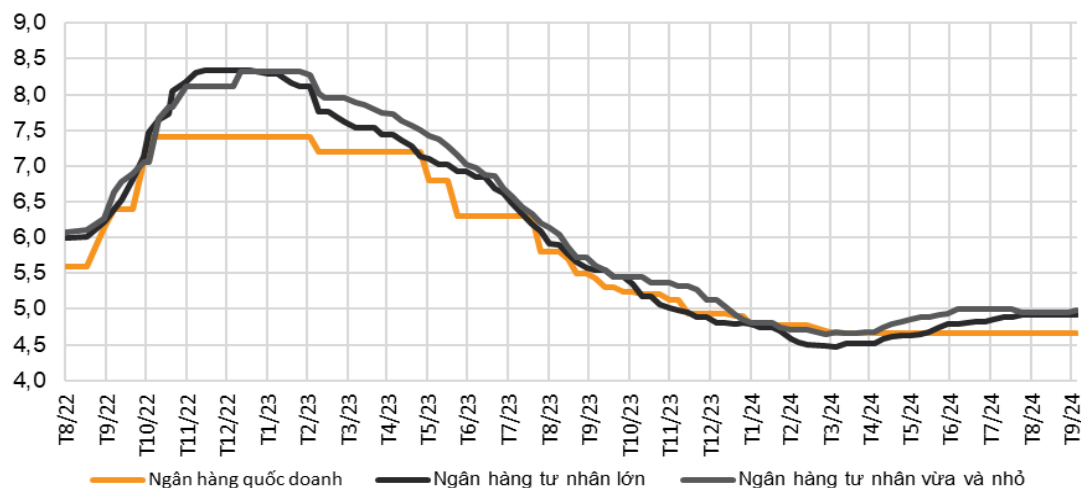


Lợi suất TP KBNN ổn định, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,67%, tăng 1 bps wow và tăng 43 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,91% không đổi so với tuần trước và tăng 38 bps ytd.



Ngân hàng LPB tăng lãi suất huy động ở cả 3 kỳ hạn

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng

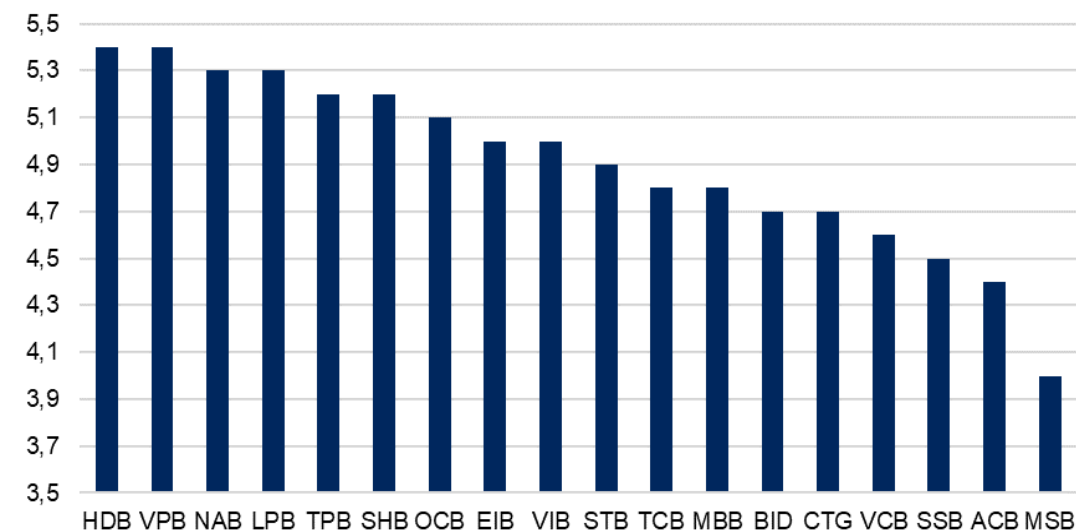


Ngân hàng quốc doanh bao gồm: VCB, BID, CTG

Ngân hàng tư nhân lớn bao gồm: TCB, VPB, MBB, STB, ACB, SHB

Ngân hàng tư nhân vừa và nhỏ bao gồm: LPB, SSB, NAB, EIB, HDB, TPB, VIB, MSB, OCB

Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

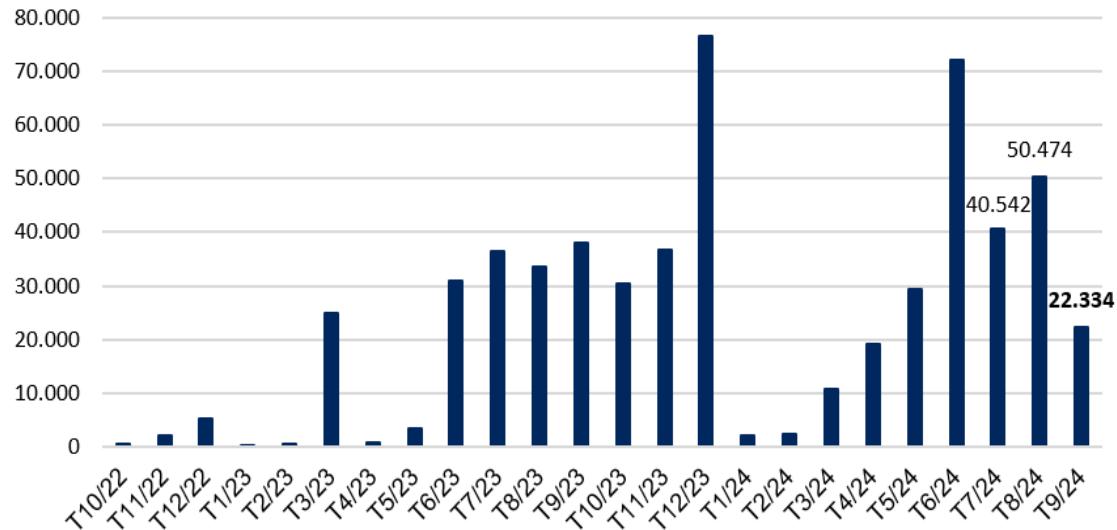


- Trong tuần từ 27/09 – 04/10/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh và NH tư nhân lớn giữ nguyên ở mức lần lượt 4,67%/4,92%, của nhóm NH tư nhân vừa & nhỏ tăng 0,04 điểm % lên 4,98%.
- Bên cạnh đó, NH LPB là NH duy nhất tăng lãi suất kỳ hạn 3 tháng/6 tháng/12 tháng thêm 0,7/0,7/0,3 điểm % lên 3,2%/4,2%/5,3%.
- 2 NH có mức lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng cao nhất hiện nay là HDB và VPB (5,4%), MSB là NH có lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng thấp nhất (4,0%).

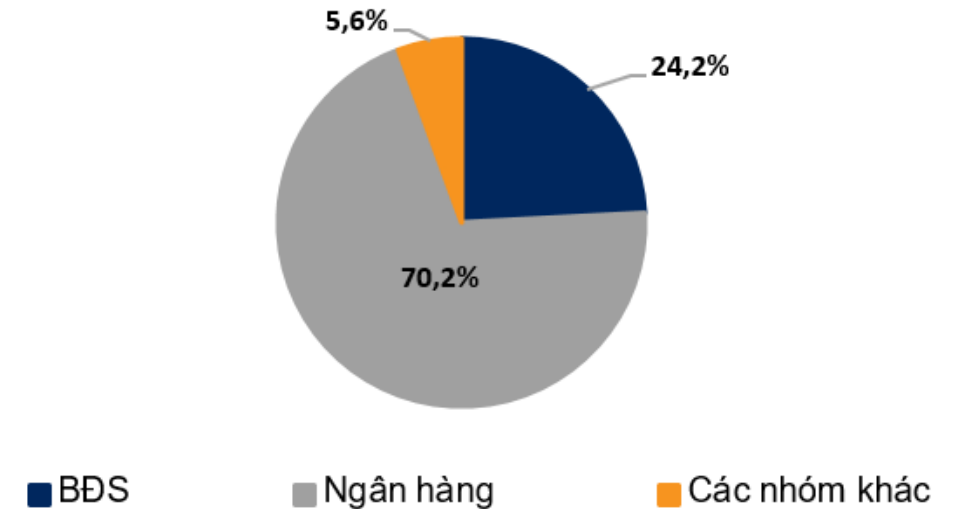
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Nhóm Ngân hàng duy trì phát hành giúp hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) vẫn duy trì tích cực trong tháng 9

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/09/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T9/24 - số liệu được tổng hợp đến ngày 27/09/24

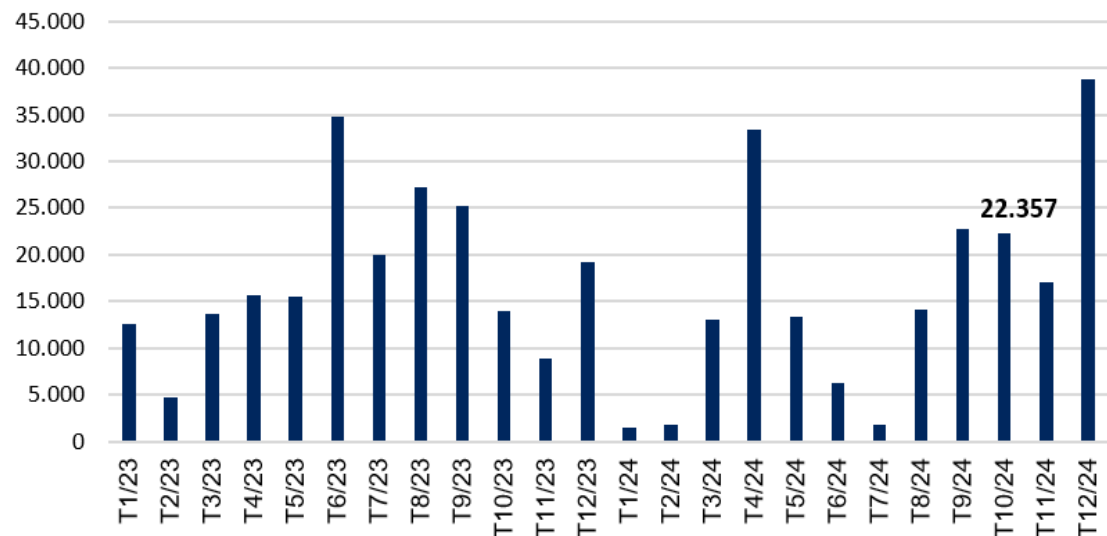


- Theo số liệu được công bố đến ngày 27/09/24, trong T9/24 có 24 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt 22.334 tỷ đồng, giảm 55,7% so với tháng trước và giảm 41,4% svck. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 249 nghìn tỷ đồng, tăng 47,7% svck.
- Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T9/24 mặc dù sụt giảm so với tháng trước, tuy nhiên vẫn duy trì khá tích cực. Trong T9/24 có 2 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm BĐS với tổng giá trị phát hành đạt 5.400 tỷ đồng, chiếm 24,2% tổng giá trị phát hành, trong khi nhóm ngân hàng có 19 đợt phát hành với tổng giá trị phát hành đạt hơn 15,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 70,2% tổng giá trị phát hành.

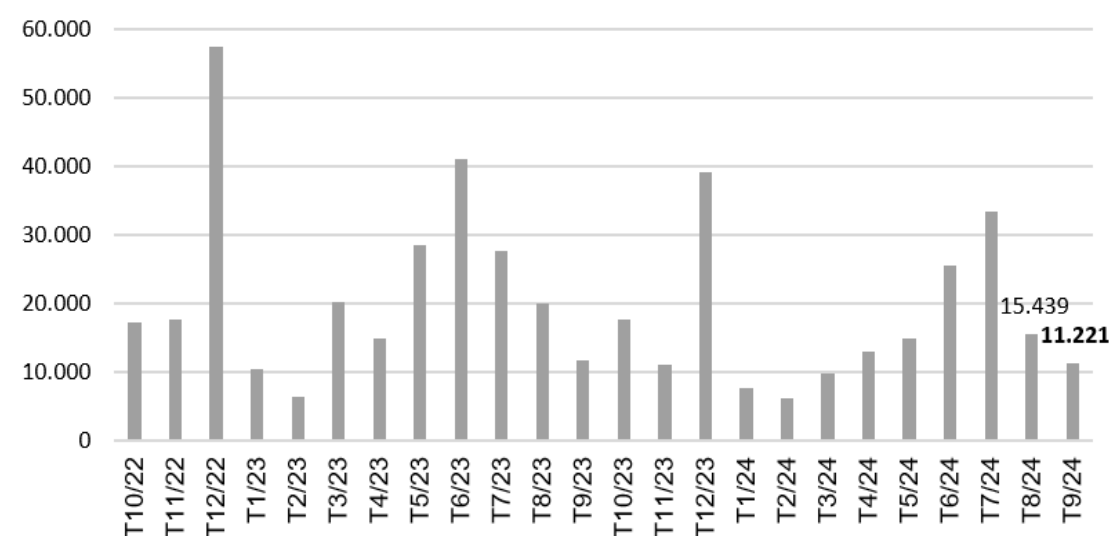
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn trong T10/24 vẫn lớn, hoạt động đàm phán thay đổi kỳ hạn trái phiếu vẫn diễn ra sôi động

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/09/24



Tổng giá TPDN riêng lẻ được mua lại trước hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 27/09/24



- Theo số liệu của chúng tôi trong T10/24 sẽ có khoảng hơn 22,3 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, áp lực đáo hạn trong T10/24 và 2 tháng cuối năm 2024 vẫn lớn.
- Hoạt động đàm phán thay đổi điều khoản và điều kiện trái phiếu (TP) giữa các tổ chức phát hành (TCPH) và các trái chủ vẫn diễn ra tích cực trong T9/24. Tính đến ngày 27/09/24 đã có khoảng hơn 100 TCPH đạt được thỏa thuận gia hạn thời hạn TP với trái chủ với tổng giá trị TPDN được gia hạn là khoảng hơn 155 nghìn tỷ đồng.

3.3 Thị trường Bất động sản

Thanh khoản căn hộ mới Tp.HCM suy giảm

Tỷ lệ hấp thụ căn hộ sơ cấp quý III ở TP HCM chỉ đạt 39% rở hàng, giảm 16% so với quý trước:

Trong quý III/2024, Tp.HCM chỉ ghi nhận 1.915 căn hộ sơ cấp (chủ đầu tư mở bán) giao dịch thành công, giảm 16% so với quý trước. Tỷ lệ hấp thụ trên tổng số nguồn cung đạt 39%, trong đó các căn hộ mở bán mới chiếm đến 62% lượng tiêu thụ, còn lại là sản phẩm tồn kho. 66% sức mua thị trường rơi vào các dự án trung cấp, giá bán từ 3-5 tỷ đồng mỗi căn.

Lượng tiêu thụ giảm vì nguồn cung căn hộ sơ cấp quý vừa qua thấp, chỉ có 4.871 căn, giảm 13% so với quý trước và giảm 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, số căn hộ mở bán lần đầu khoảng 799 căn, giảm 30% theo quý xét về rở hàng tồn kho, quý III cũng có thêm năm dự án cũ, từng phải tạm ngưng giao dịch do vướng pháp lý, mở bán trở lại.

Tính riêng tháng 7 và 8, lượng tiêu thụ căn hộ sơ cấp toàn thị trường TP HCM và các tỉnh phía Nam chỉ đạt 980 căn, tỷ lệ hấp thụ chưa đến 35% rở hàng sơ cấp. Phần lớn giao dịch được ghi nhận từ các dự án đang triển khai bán hàng tại Bình Dương, chiếm 54% tổng lượng tiêu thụ sơ cấp toàn thị trường. Riêng TP HCM giao dịch rơi vào những dự án tầm giá trên dưới 45 triệu đồng mỗi m2.

Không chỉ thanh khoản hạ nhiệt, giá bán sơ cấp căn hộ TP HCM quý III cũng có xu hướng giảm. Từ mức 73 triệu đồng mỗi m2 ghi nhận trong quý II đã xuống 68 triệu đồng trong quý III, giảm 12% so với quý trước.

Dự báo thị trường quý cuối năm 2024, TP HCM dự kiến có khoảng 6.700 căn hộ mở bán mới, trong đó rở hàng nhiều nhất rơi vào hai dự án là phân khu The Opus One thuộc khu đô thị Vinhomes Grand Park và The Forest Gem.

3.3 Thị trường Bất động sản

Giá chung cư Hà Nội vượt Tp.Hồ Chí Minh trong quý III

Giá chung cư tại Hà Nội tiếp tục leo thang ở cả dự án mới và cũ:

Mặt bằng giá dự án mới đã tăng 6% so với quý trước và 28% svck, đạt trung bình 69 triệu đồng một m². Dự án sơ cấp tăng cao cũng kéo giá bán chung cư cũ leo thang, với mức 41% theo năm, lên 51 triệu đồng một m².

Số căn hộ bán được trong quý này tại Hà Nội đạt hơn 6.800 căn, tăng 35% theo quý và 226% theo năm. Căn hộ trung cấp đến cao cấp dẫn đầu, đóng góp 98% lượng giao dịch. Tính chung 9 tháng, 70% số căn được giao dịch có giá trên 4 tỷ đồng, tăng mạnh từ mức 2% năm 2020. Còn phân khúc từ 2 đến 4 tỷ đồng chiếm 29%.

Trái ngược với thị trường Hà Nội, giá sơ cấp (chủ đầu tư mở bán) trung bình tại TP HCM sụt giảm so với quý trước. Căn hộ sơ cấp trung bình 68 triệu đồng một m², giảm khoảng 12% so với quý trước. Điều này là do chủ đầu tư điều chỉnh lại phân khúc, giảm tỷ trọng cao cấp trong tổng nguồn cung, kéo giá trung bình toàn thị trường giảm. Tuy nhiên, mặt bằng giá các dự án mới ra mắt gần đây vẫn ở ngưỡng cao.

Trong thời gian tới, nguồn cung căn hộ tại Hà Nội có xu hướng cải thiện nhưng chủ yếu ở phân khúc trung cấp trở lên, còn căn hộ bình dân tiếp tục biến mất. Trong quý cuối năm 2024 dự kiến có 9.700 căn hộ mở bán, trong đó 88% đến từ các giai đoạn tiếp theo của các đại dự án. Từ 2025 trở đi, khoảng 10.000 căn từ 106 dự án sẽ được đưa ra thị trường, nhưng ở rổ hàng trung đến cao cấp.

3.4 Thị trường hàng hóa

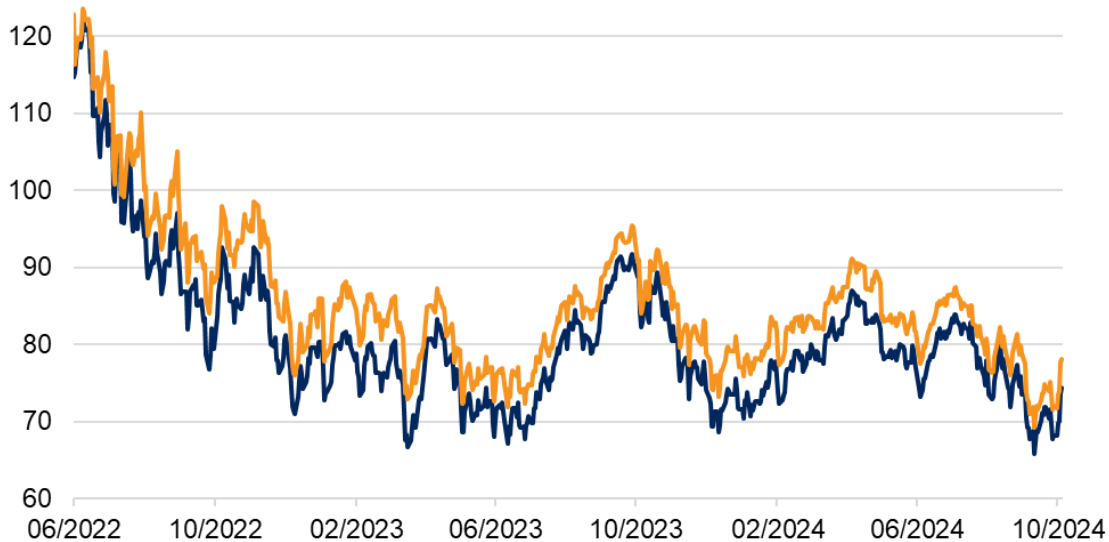
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 04/10/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	8,43%	7,36%	-9,04%	2,85%	
	Khí LNG	3,88%	7,84%	6,66%	17,90%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	6,05%	6,24%	2,45%	16,01%	
	Quặng sắt	16,25%	17,46%	-7,93%	-24,04%	
	Đồng	-0,55%	13,80%	27,44%	17,87%	
	Niken	5,74%	11,06%	-3,87%	8,42%	
	PVC	2,72%	6,73%	-7,89%	-0,20%	
	Cao su	5,84%	17,33%	85,98%	74,29%	
	Gỗ	-1,87%	8,82%	5,43%	-4,46%	
Nông nghiệp	Urê	5,34%	10,78%	-10,71%	17,19%	
	Lúa Mỹ	1,68%	4,33%	5,31%	-2,80%	
	Gạo tằm 5%	-0,68%	0,34%	-9,19%	-11,73%	
	Đường	0,97%	19,59%	-11,26%	10,10%	
	Thịt lợn	-0,45%	4,25%	23,46%	33,40%	
Kim loại quý	Vàng thời	-0,17%	6,33%	45,69%	28,88%	

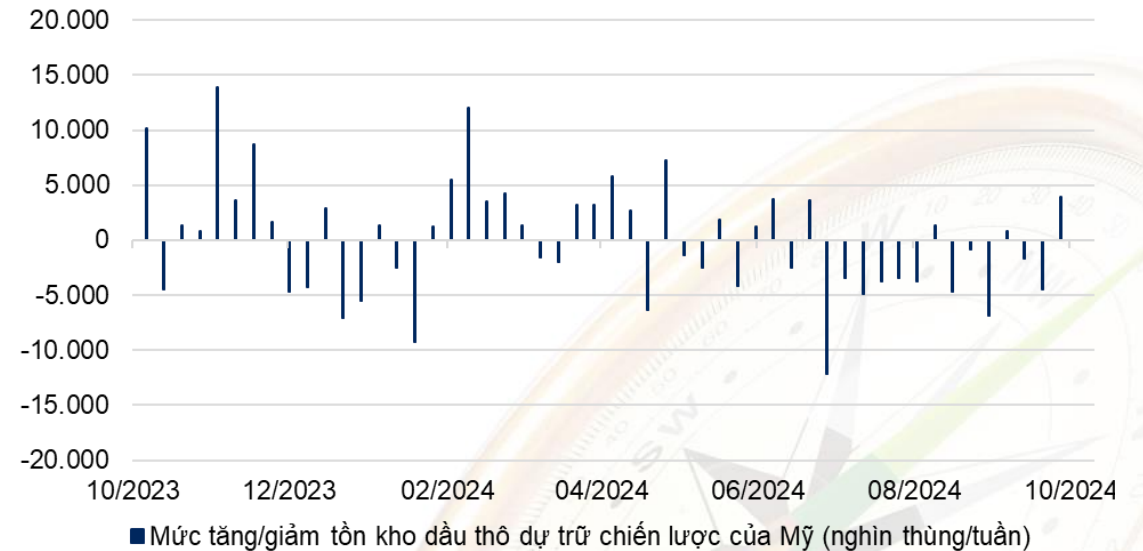
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tăng mạnh do lo ngại nguồn cung bị gián đoạn trong bối cảnh xung đột địa chính trị leo thang

Tính đến ngày 04/10, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt tăng 9,1%/8,4% sv tuần trước, đạt 74,4 và 78,1 USD/thùng



Kho dự trữ chiến lược tại Mỹ đã giảm ròng 1,38 triệu thùng dầu trong tháng 9

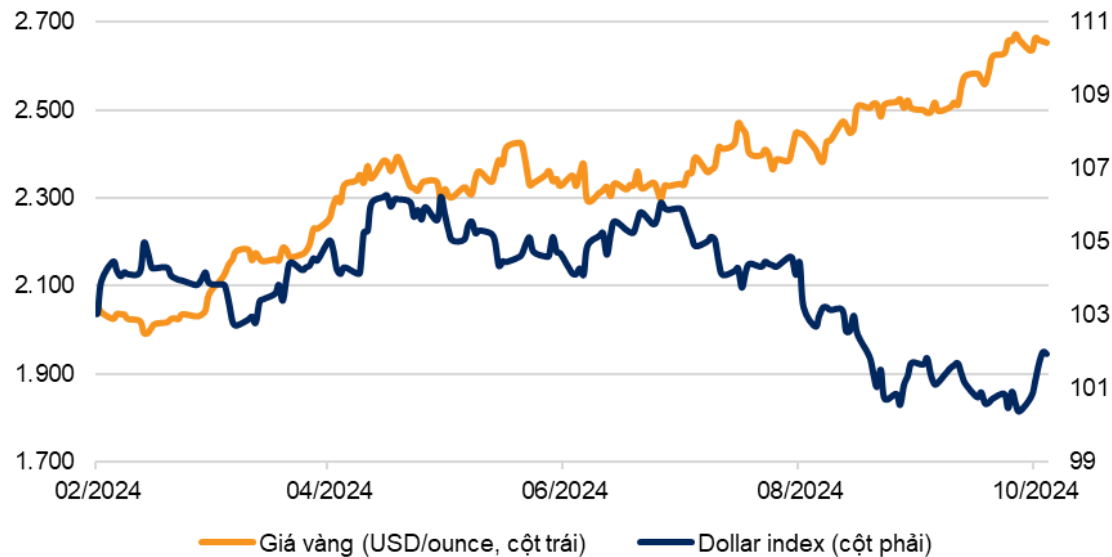


- Giá dầu thô tuần qua đã tăng lên mức cao nhất trong vòng một tháng, trong bối cảnh lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung do tình hình căng thẳng ở Trung Đông. Trong khi đó, năng lực sản xuất dự phòng của OPEC và sự ổn định của nguồn cung dầu thô toàn cầu đã làm dịu đi nỗi lo về nguồn cung.
- Về phía cầu, kho dự trữ chiến lược của Mỹ tiếp tục cho thấy nhu cầu tiêu thụ mạnh lên khi ghi nhận giảm ròng 1,38 triệu thùng dầu trong tháng 9, đánh dấu tháng thứ năm giảm ròng liên tiếp. Dữ liệu ISM vào đầu tuần cũng chỉ ra rằng hoạt động dịch vụ của Mỹ trong tháng 9 đã tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất trong hơn một năm. Ngoài ra, các chính sách kích thích mới từ Trung Quốc cũng làm gia tăng kỳ vọng về việc nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu dầu thô của nước này tăng trở lại.

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới điều chỉnh nhẹ, giá vàng trong nước tiếp tục tăng

Tính đến ngày 04/10, giá vàng thế giới đạt 2.653 USD/oz, giảm 0,2% sv tuần trước và tăng 6,3% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 82-84 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 0,61%/0,60% sv tuần trước



- Vàng đã thiết lập vùng giá giao động mới khi được hưởng lợi từ rủi ro địa chính trị gia tăng và bối cảnh chính sách tiền tệ tại các quốc gia trên thế giới chuyển sang trạng thái trung hòa hơn. Hiện tại, thị trường ước tính có khoảng 65% khả năng FED sẽ cắt giảm lãi suất ở mức 25 điểm cơ bản vào cuộc họp tháng 11.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC tại ngày 04/10 lần lượt đạt 82 triệu đồng/lượng chiều mua và 84 triệu đồng/lượng chiều bán, lần lượt tăng 0,61%/0,60% so với tuần trước. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 04/10 ở mức 4,8 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND =24.755).

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	0,09%	4,98%	12,37%	26,78%
S&P 500	Mỹ	0,22%	6,34%	20,57%	33,48%
Nasdaq	Mỹ	0,10%	8,67%	20,83%	35,04%
Euro Stoxx 50	EU	-2,22%	4,58%	9,58%	19,56%
FTSE 100	Anh	-0,48%	1,21%	7,08%	10,49%
Nikkei 225	Nhật Bản	-3,05%	6,11%	15,39%	24,58%
Shanghai	Trung Quốc	8,06%	20,63%	12,15%	7,27%
Hang Seng	Trung Quốc	10,20%	30,34%	33,37%	30,03%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,28%	4,05%	24,38%	35,00%
SET	Thái Lan	-0,41%	1,16%	2,01%	0,40%
KOSPI	Hàn Quốc	-3,02%	1,00%	-3,22%	6,68%
Malaysia Top 100	Malaysia	-1,55%	-0,71%	13,49%	17,02%
STI Index	Singapore	0,44%	3,90%	10,77%	13,07%
IDX Composite	Indonesia	-2,61%	-2,92%	3,07%	8,82%
PHS All Shares	Philippine	1,79%	7,70%	18,02%	19,60%
VN-Index	Việt Nam	-1,57%	-0,26%	12,45%	12,59%

Thị trường chứng khoán Mỹ đã có sự rung lắc trong các phiên giao dịch đầu tuần trước áp lực chốt lời gia tăng sau khi các chỉ số chính liên tục thiết lập các đỉnh cao lịch sử mới. Tuy nhiên sau khi dữ liệu việc làm tháng 9 khả quan hơn dự báo được công bố đã mang lại cho nhà đầu tư niềm tin về sức khỏe của nền kinh tế và giúp các chỉ số đều tăng trở lại trong phiên giao dịch cuối tuần. Kết tuần cả 3 chỉ số chính đều ghi nhận mức tăng nhẹ và là tuần tăng thứ 4 liên tiếp.

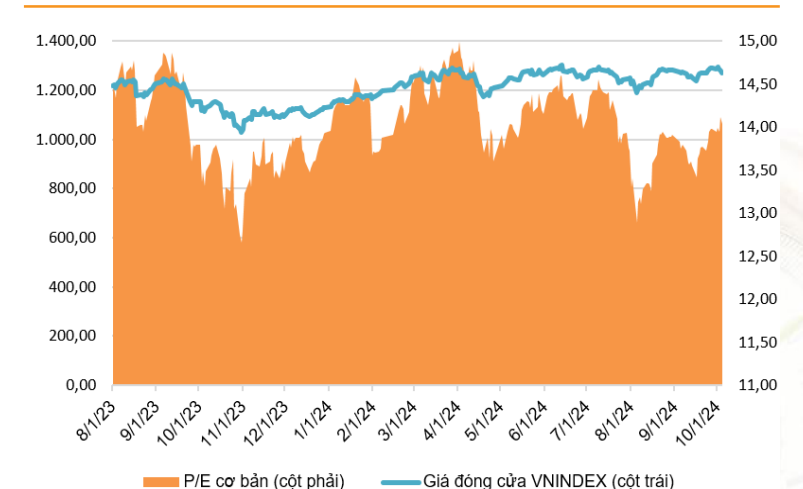
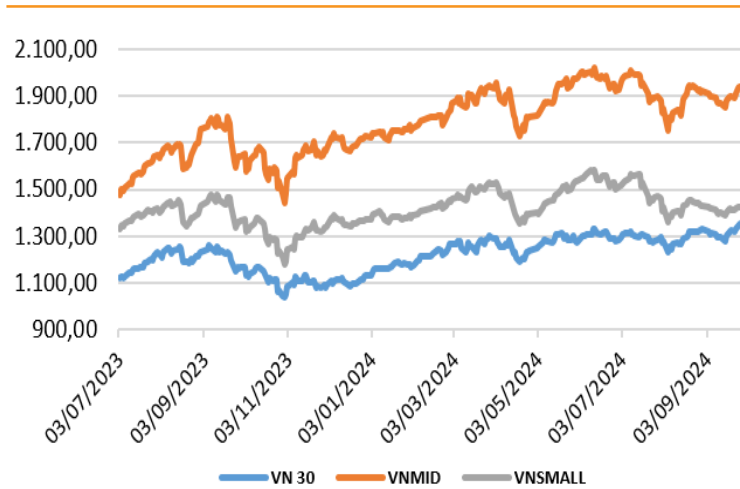
Thị trường chứng khoán Trung Quốc duy trì đà tăng tích cực với các chỉ số Hang Seng và Shanghai tăng lần lượt 10,2% và 8,06%. Trong khi nhiều thị trường chứng khoán Châu Á khác ghi nhận 1 tuần điều chỉnh như thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan ...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường điều chỉnh với thanh khoản tiếp tục cải thiện

VN-Index điều chỉnh, kết tuần tại mức 1.270,6 điểm, giảm 1,57% sv tuần trước

Chỉ số VN30/VNMID/VNSML đều giảm với mức giảm lần lượt là 1,21%/1,99%/1,69%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 14x.



- Với 1 phiên tăng điểm và 4 phiên giảm điểm, VN-Index có tuần điều chỉnh sau 2 tuần tăng liên tiếp trước đó. Kết tuần VN-index giảm 20,32 điểm (-1,57%) xuống 1.2570,6 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục được cải thiện, thanh khoản trên sàn HOSE đạt trung bình 706,3 triệu cp/phiên, tăng 5,4% so với tuần trước và cao hơn 32,7% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại trở lại mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 446 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng trở lại mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.859 tỷ đồng.
- Các mã VPB và OCB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 0,49 điểm và 0,48 điểm. Ở chiều ngược lại VHM và CTG là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 1,93 điểm và 1,76 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-1,4%	-2,2%	72,4%	50,0	3,38	14,3%
Bảo hiểm	0,1%	-3,0%	22,6%	11,9	1,29	43,5%
Bất động sản	-3,7%	-4,8%	13,7%	20,5	1,26	7,7%
Công nghệ TT	-0,1%	2,4%	58,5%	27,5	5,09	0,9%
Dầu khí	-0,5%	1,0%	33,8%	13,7	1,46	6,3%
Dịch vụ tài chính	-0,8%	3,2%	23,7%	17,4	1,63	19,3%
Hóa chất	-2,4%	1,9%	71,4%	21,4	2,06	-15,8%
Ngân hàng	-1,0%	4,0%	31,9%	9,8	1,58	0,4%
Tài nguyên cơ bản	-0,2%	2,2%	13,2%	19,7	1,34	14,6%
Thực phẩm&Đồ uống	-1,5%	-0,1%	44,6%	21,90	2,69	4,3%
Viễn thông	-1,5%	-1,1%	150,1%	37,9	5,59	-27,6%
Xây dựng & Vật liệu	-2,1%	0,6%	26,0%	22,8	1,40	6,0%
VN-Index	-1,57%	0,19%	12,45%	14,04	1,73	5,4%

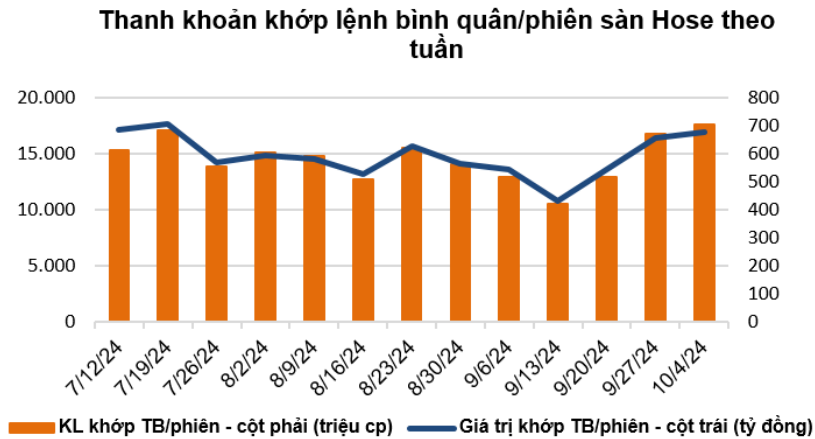
Thị trường điều chỉnh sau khi tiến gần đến vùng kháng cự 1.300 điểm.

Nhóm Ngân hàng duy trì tăng điểm tích cực và kéo chỉ số tăng trong phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên sau đó đã gặp áp lực chốt lời mạnh, kết tuần nhiều mã vẫn duy trì được đà tăng như OCB (+6,22%),SSB (+2,94%), TPB (+2,07%), VPB (+1,27%), EIB (+0,54%)...Một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến tích cực hơn thị trường chung, tiêu biểu như nhóm thép với HPG (+0,58%), HSG (+0,48%), TLH(+1,28%)...Nhóm chứng khoán với ORS(+11,24%), BSI (+4,27%), DSE (+3,18%), VCI (+0,97%)...

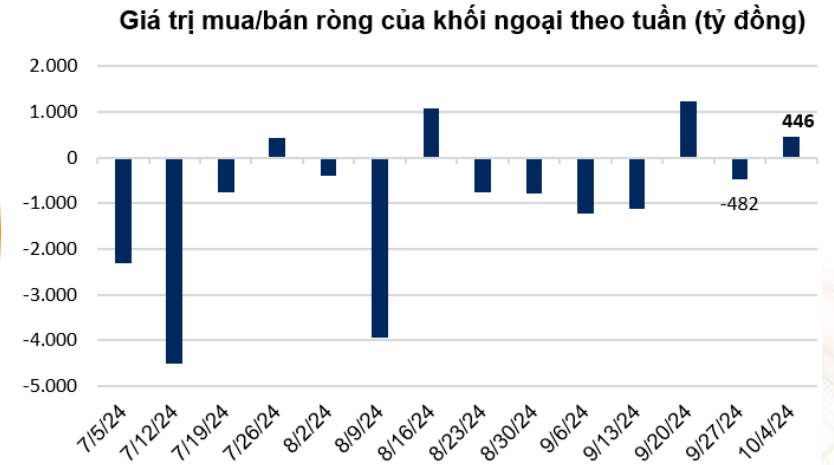
Ở chiều ngược lại đa số cổ phiếu nhóm BĐS có một tuần giao dịch kém tích cực, điển hình như PDR (-8,77%), NVL (-6,06%), DXG (-8,16%), KDH (-3,85%)...Nhóm ngành Thực Phẩm và Đồ Uống giao dịch trong sắc đỏ với VNM (-3,52%), SAB (-3,25%), MSN (-0,40%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục cải thiện và khối ngoại trở lại mua ròng

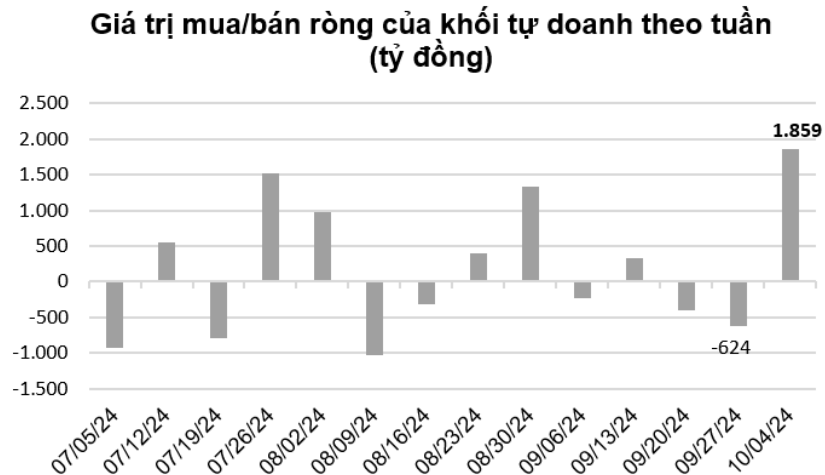
Thanh khoản tiếp tục cải thiện, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 706,3 triệu cp/phiên, tăng 5,4% sv tuần trước và cao hơn 32,7% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



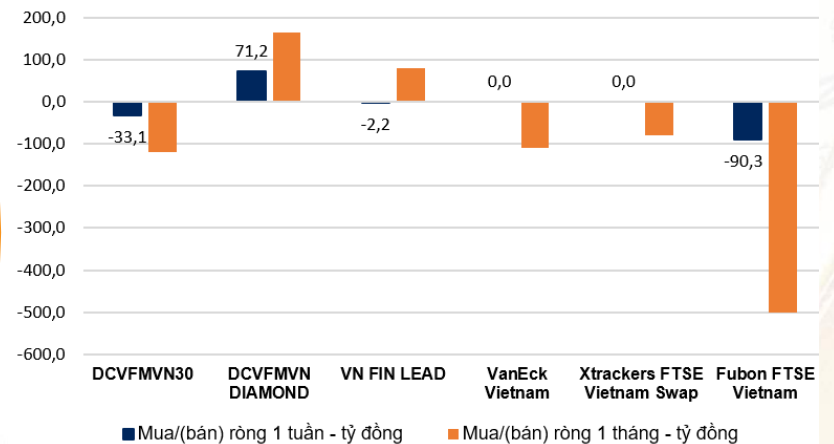
Khối ngoại trở lại mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 446 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 1.859 tỷ đồng

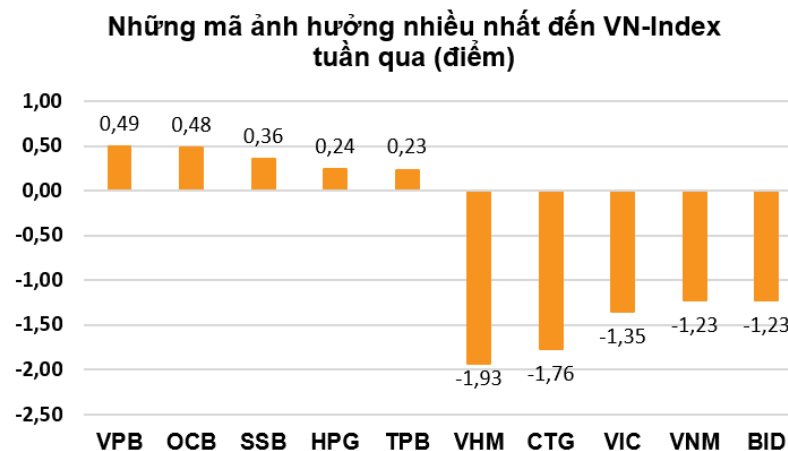


Trong tuần qua quỹ Fubon tiếp tục bán ròng với giá trị bán ròng là hơn 90 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, quỹ DCVFMVN DIAMOND tiếp tục mua ròng hơn 71 tỷ đồng.

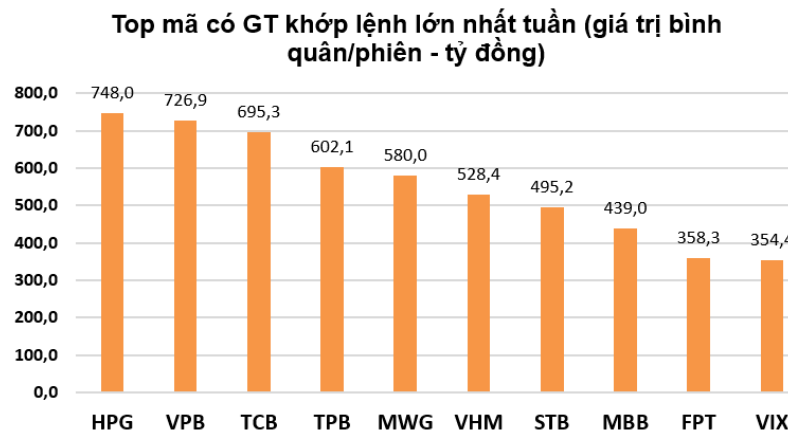


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản tiếp tục cải thiện và khối ngoại trở lại mua ròng

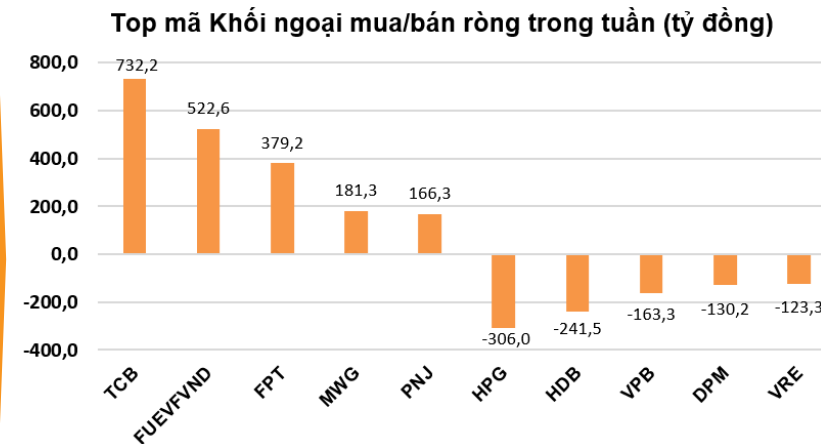
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



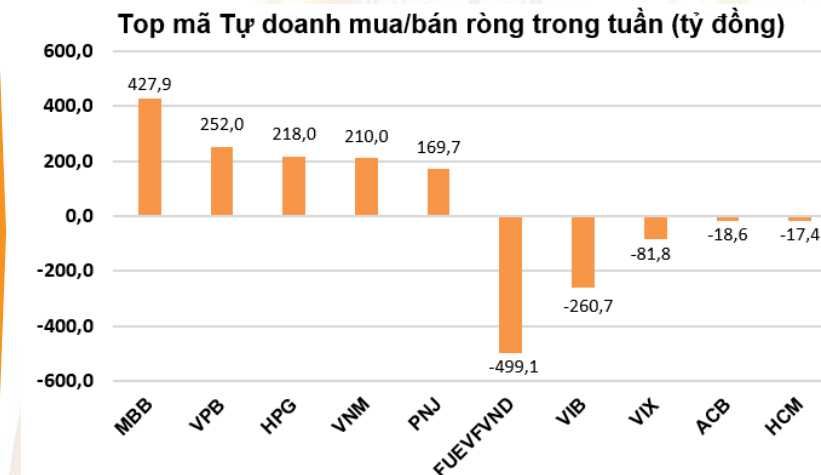
HPG là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình là hơn 748 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã VPB và TCB với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 726 tỷ đồng và hơn 695 tỷ đồng



Trong tuần từ 30/09 – 04/10 TCB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 732 tỷ đồng. Trong khi HPG là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng 306 tỷ đồng.



Trong tuần 30/09 – 04/10 MBB là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 427 tỷ đồng, trong khi CCQ FUEVFNVD là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 499 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	0,6%	3,7%	31.700	21,0%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-1,7%	-7,0%	19.500	63,9%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,5%	6,3%	22.137	15,0%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-3,0%	-7,8%	40.000	47,1%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-3,5%	4,4%	82.600	20,6%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-0,3%	2,7%	65.100	34,9%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	0,5%	5,3%	32.000	52,0%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	1,7%	-7,0%	36.800	32,9%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-2,2%	-8,8%	90.200	17,4%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	-3,9%	1,1%	43.800	17,0%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	-4,4%	5,6%	66.400	60,0%
12	MWG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-1,6%	2,4%	72.100	8,6%

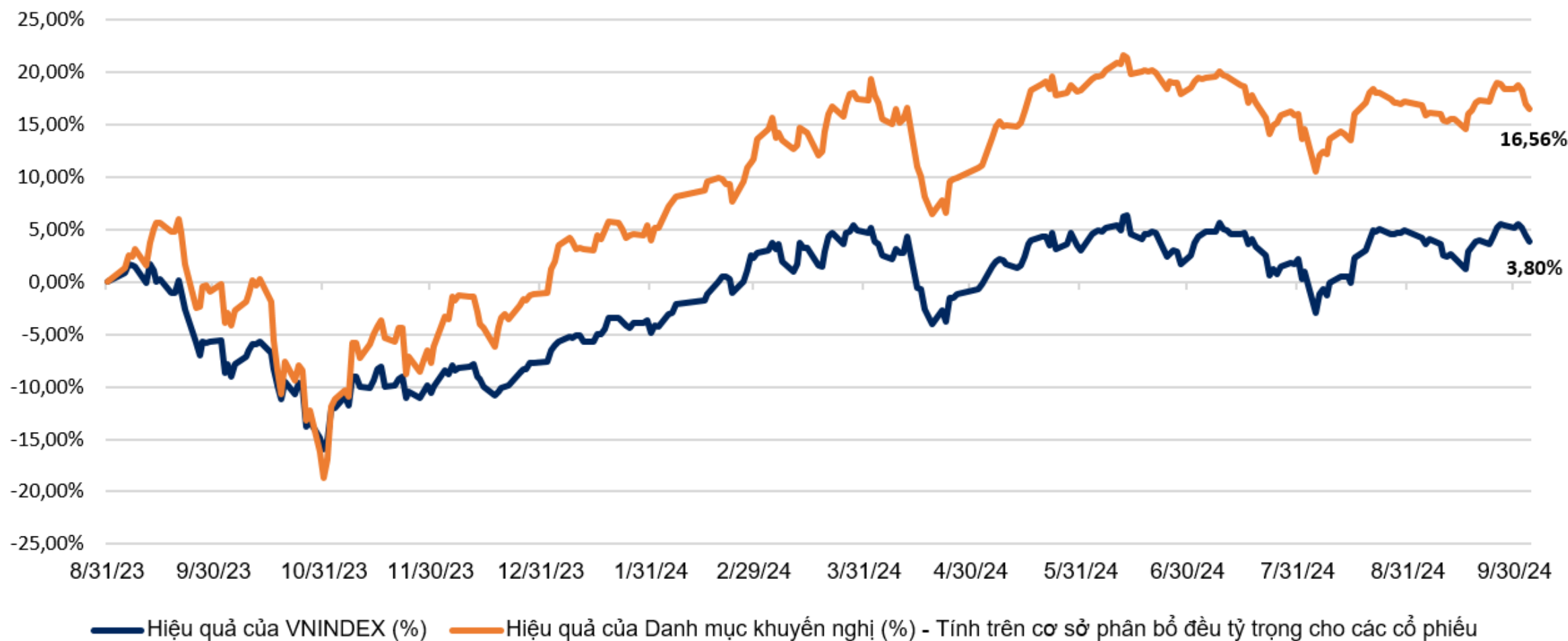
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
13	MBB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,3%	9,2%	28.400	13,1%
14	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-3,6%	-2,3%	114.400	19,9%
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,6%	-10,7%	48.000	19,9%
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	3,1%	6,4%	26.800	24,4%
17	VCB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,2%	5,4%	111.800	21,1%
18	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,3%	5,2%	23.700	18,5%
19	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-4,8%	-14,7%	95.100	26,5%
20	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-3,0%	-12,9%	35.700	30,5%
22	ACV	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,8%	-15,6%	136.200	33,4%
23	BCM	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-4,8%	-5,7%	83.900	23,6%
24	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	0,0%	-2,7%	61.200	7,2%
25	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-4,4%	-5,0%	45.800	14,8%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
15	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

